

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Quy định cơ chế dùng chung các trang thiết bị phòng thí nghiệm thuộc Dự án “Đầu tư phòng thí nghiệm Vật lý ứng dụng và Khoa học vật liệu cho Trường Đại học Quy Nhơn”

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUY NHƠN

Căn cứ Quyết định số 1842/QĐ ngày 21 tháng 12 năm 1977 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục về việc thành lập cơ sở Đại học Sư phạm Quy Nhơn; Quyết định số 02/HĐBT ngày 13 tháng 7 năm 1981 của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng về việc thành lập Trường Đại học Sư phạm Quy Nhơn; Quyết định số 221/2003/QĐ-TTg ngày 30 tháng 10 năm 2003 của Thủ tướng Chính phủ về việc đổi tên Trường Đại học Sư phạm Quy Nhơn thành Trường Đại học Quy Nhơn;

Căn cứ Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Căn cứ Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Quy Nhơn ban hành kèm theo Nghị quyết số 11/NQ-HĐT ngày 29/3/2024 của Hội đồng trường Trường Đại học Quy Nhơn;

Căn cứ Quyết định số 4593/QĐ-BGDĐT ngày 28/12/2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc phê duyệt Dự án thành phần 7: Đầu tư phòng thí nghiệm về vật lý ứng dụng và khoa học vật liệu cho Trường Đại học Quy Nhơn;

Xét đề nghị của Trưởng Phòng Cơ sở vật chất.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định cơ chế dùng chung các trang thiết bị phòng thí nghiệm thuộc Dự án “Đầu tư phòng thí nghiệm Vật lý ứng dụng và Khoa học vật liệu cho Trường Đại học Quy Nhơn”.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Các ông (bà) Trưởng phòng Cơ sở vật chất, Hành chính - Tổng hợp, Khoa học công nghệ & Hợp tác Quốc tế, Kế hoạch - Tài chính, Trường khoa Khoa học tự nhiên và các đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, CSVC.



PGS.TS. Đoàn Đức Tùng



QUY ĐỊNH

Cơ chế dùng chung trang thiết bị phòng thí nghiệm thuộc Dự án “Đầu tư phòng thí nghiệm Vật lý ứng dụng và Khoa học vật liệu cho Trường Đại học Quy Nhơn”

(Ban hành kèm theo Quyết định số 3429/QĐ-ĐHQN ngày 08 tháng 10 năm 2024
của Hiệu trưởng Trường Đại học Quy Nhơn)

1. Mục tiêu của phòng thí nghiệm dùng chung

Mục tiêu của Phòng thí nghiệm dùng chung là phục vụ nghiên cứu khoa học, triển khai ứng dụng và chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực Vật lý và Khoa học vật liệu, năng lượng tái tạo đáp ứng nhu cầu đào tạo, nghiên cứu khoa học cho Trường Đại học Quy Nhơn và các cơ sở đào tạo trong khu vực Duyên hải Nam Trung bộ và Tây Nguyên.

2. Đối tượng áp dụng

2.1. Các giảng viên, nghiên cứu viên, nghiên cứu sinh, học viên cao học, sinh viên của Trường Đại học Quy Nhơn.

2.2. Các giảng viên, nghiên cứu viên, nghiên cứu sinh, học viên cao học, sinh viên của các Trường đại học, các Viện nghiên cứu, các tổ chức, cá nhân trong khu vực có nhu cầu.

3. Các quy định chung khi sử dụng phòng thí nghiệm dùng chung

3.1. Người/đơn vị có nhu cầu sử dụng thiết bị cần xem xét cụ thể nhu cầu sử dụng thiết bị.

3.2. Người/đơn vị có nhu cầu sử dụng thiết bị thực hiện đăng ký lịch sử dụng thiết bị với người/đơn vị được giao quản lý thiết bị, phòng thí nghiệm.

3.3. Người/đơn vị được giao quản lý thiết bị, phòng thí nghiệm thực hiện báo cáo cấp quản lý việc đề xuất của người/đơn vị có nhu cầu sử dụng thiết bị để xem xét quyết định.

3.4. Người/đơn vị có nhu cầu sử dụng thiết bị phối hợp với người/đơn vị được giao quản lý thiết bị, phòng thí nghiệm để xác định tình trạng thiết bị khi đến làm việc và sử dụng thiết bị.

3.5. Người/đơn vị được giao quản lý thiết bị, phòng thí nghiệm và người/đơn vị sử dụng phải thực hiện bảo quản tốt thiết bị được giao quản lý, sử dụng.

3.6. Người/đơn vị được giao quản lý thiết bị, phòng thí nghiệm và người/đơn vị sử dụng phải thực hiện ghi nhật ký sửa chữa, bảo trì và nhật ký sử dụng thiết bị đầy đủ.

3.7. Khi sử dụng nếu thiết bị gặp sự cố hỏng hóc, người/đơn vị sử dụng thiết bị phải phản ánh ngay đến người/đơn vị được giao quản lý thiết bị, phòng thí nghiệm để cùng xác định nguyên nhân và hướng giải quyết.

3.8. Người/đơn vị sử dụng thiết bị phải bàn giao lại thiết bị cho người/đơn vị được giao quản lý thiết bị, phòng thí nghiệm sau khi sử dụng. Có biên bản xác nhận của người/đơn vị được giao quản lý thiết bị, phòng thí nghiệm và người/đơn vị sử dụng thiết bị các nội dung liên quan khi sử dụng chung.

3.9. Người/đơn vị sử dụng thiết bị phải nghi nhận việc sử dụng trang thiết bị tại phòng thí nghiệm dùng chung, Trường Đại học Quy Nhơn khi công bố kết quả nghiên cứu.

3.10. Người/đơn vị sử dụng thiết bị chịu trách nhiệm chi trả một phần kinh phí vệ sinh, bảo trì, vật tư hóa chất tiêu hao trong quá trình làm việc, sử dụng trang thiết bị theo quy định.

3.11. Người/đơn vị được giao quản lí thiết bị, phòng thí nghiệm thực hiện các chế độ báo cáo tình hình sử dụng, hiệu quả sử dụng và tình trạng của thiết bị theo định kỳ hàng năm và đột xuất khi có yêu cầu. *W*

4. Danh sách trang thiết bị và người được giao quản lý phụ trách

TT	Tên thiết bị	Model/Hãng/ Xuất xứ	SL	ĐVT	Người liên hệ	Vị trí
1	Hệ thống phun xạ catot tạo màng mỏng	Model: DS3100 Hãng sản xuất: DADA Korea Co., Ltd Xuất xứ: Hàn Quốc	Hệ thống	1	PGS. TS. Nguyễn Minh Vương	P.Chế tạo vật liệu 2 (110.A6)
2	Hệ thống kính hiển vi điện từ quét (SEM) tích hợp siêu âm đầu dò	Model: JEOL Hãng sản xuất: JSM-IT200 Xuất xứ: Nhật Bản	Hệ thống	1	PGS.TS. Hoàng Nhật Hiếu	P. Đặc trưng vật liệu 1 (115a-A6)
3	Hệ phân tích phổ Raman ghép nối với bộ di mẫu tự động	Model: XploRa Plus/Kit-XYZ-Plus Hãng sản xuất: Horiba Xuất xứ: Pháp	Hệ thống	1	PGS.TS. Lê Thị Ngọc Loan	P. Quang phổ Raman (115b-A6)
4	Hệ đo hiệu ứng Hall có buồng gia nhiệt	Model: HMS-5300 Hãng sản xuất: ECOPIA Xuất xứ: Hàn Quốc	Thiết bị	1	TS. Nguyễn Văn Nghĩa	P.Đặc trưng vật liệu 3 (112a-A6)
5	Máy làm sạch plasma thí nghiệm	Model: PDC-002-HP Hãng sản xuất: Harrick Plasma Xuất xứ: Mỹ	Cái	1	TS. Nguyễn Văn Nghĩa	P.Chế tạo vật liệu 2 (110-A6)

TT	Tên thiết bị	Model/Hãng/ Xuất xứ	SL	ĐVT	Người liên hệ	Vị trí
6	Bộ điều khiển dòng khối (MFC)	Model: 3660 Hãng sản xuất: Kofloc Xuất xứ: Hàn Quốc	Bộ	8	PGS.TS. Nguyễn Minh Vương	P. Cẩm biên (114-A6)
7	Nguồn cung cấp cho bộ điều khiển dòng khối MFC	Model: SERO-2000N Hãng sản xuất: Sehwa Xuất xứ: Hàn Quốc	Bộ	8	PGS.TS. Nguyễn Minh Vương	P. Cẩm biên (114-A6)
8	Hệ tạo khí khô	Model: MAIRS-NCP Hãng sản xuất: Kofloc Xuất xứ: Nhật Bản	Bộ	1	PGS.TS. Nguyễn Minh Vương	P. Cẩm biên (114-A6)
9	Bộ điều áp bình khí không ăn mòn	Model: GPT402 Hãng sản xuất: Gas-Arc Xuất xứ: Anh Quốc	Bộ	5	PGS.TS. Nguyễn Minh Vương	P. Cẩm biên (114-A6)
10	Bộ điều áp bình khí ăn mòn	Model: SGT 602 Hãng sản xuất: Gas-Arc Xuất xứ: Anh Quốc	Bộ	5	PGS.TS. Nguyễn Minh Vương	P. Cẩm biên (114-A6)
11	Máy nén khí không dầu	Model: TM-OF1100x4-330L Hãng sản xuất: Pegasus Xuất xứ: Việt Nam	Cái	1	PGS.TS. Nguyễn Minh Vương	P. Cẩm biên (114-A6)

TT	Tên thiết bị	Model/Hãng/ Xuất xứ	SL	ĐVT	Người liên hệ	Vị trí
12	Hệ thống ngưng đọng hơi hoá học bằng nhiệt (CVD)	Model: CVD-1200-2Z-3M/R Hãng sản xuất: DADA Korea Co., Ltd Xuất xứ: Hàn Quốc	Hệ thống	1	TS. Trần Năm Trung	P.Chế tạo vật liệu 2 (110-A6)
13	Bàn thí nghiệm áp tường	Model: PEW-1.4 Hãng sản xuất: Phụng Hải Xuất xứ: Việt Nam	Cái	8		110-115-A6
14	Tủ hút	Model: PFH-16 Hãng sản xuất: Phụng Hải Xuất xứ: Việt Nam	Cái	2		P. Cẩm biến (114-A6) P. Đặc trưng vật liệu 2 (113-A6)

Handwritten signature